

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 31/TTP/2019

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam.
2. Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
3. Điện thoại: 028 38257110 Fax:
4. E-mail: thinhatkhanh.huyen@tetrapak.com
5. Mã số doanh nghiệp: 0302803331
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **Nắp nhựa HELICAP (màu xanh lá)**
2. Thành phần: vật liệu cấu tạo phần tiếp xúc với thực phẩm là: Nhựa Polyethylen và polypropylen
  - Nắp ngoài : Nhựa PE.
  - Nắp trong: Nhựa PP + PE
  - Răng cưa: Nhựa PP
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Thông tin kỹ thuật và kích thước sản phẩm:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong túi nilon, sau đó được đóng gói trong thùng carton. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói trong thùng carton 3000 nắp / thùng .Các thùng carton được đặt lên các pallet (24 thùng/pallet).

- Kích thước sản phẩm:

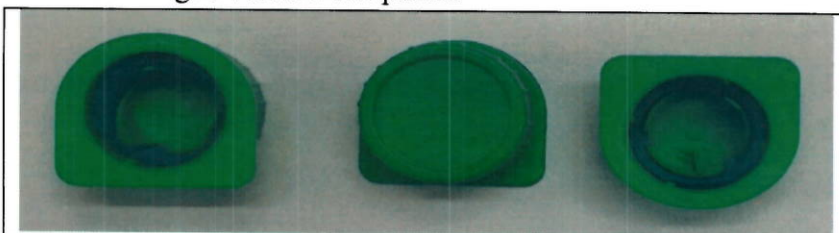
- + Khối lượng nắp: 3,90 g  $\pm$  0.20(g)
- + Chiều cao: 16,65 (mm)  $\pm$  0,25 (mm)
- + Chiều dài: 31,4 (mm)  $\pm$  0,2 (mm)
- + Chiều rộng: 33,1 (mm)  $\pm$  0,2 (mm)
- + Đường kính: 29.75 +/- 0,2 (mm)

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (nếu có):

- Nhà sản xuất: **Tetra Pak (Thailand) Limited**
- Địa chỉ: Eastern Seaboard Industrial Estate (Rayong) 109 Moo 4, Highway 331, Pluak Daeng, Rayong 21140 THAILAND

**III./ Mẫu nhãn sản phẩm:**

- Nhãn góc và hình sản phẩm:





- Nội dung nhãn phụ sản phẩm

### NẮP NHỰA HELICAP ( màu xanh lá )

**Vật liệu cấu tạo phần tiếp xúc thực phẩm:** Nhựa Polyethylen và polypropylen

**Kích thước sản phẩm:** + Khối lượng nắp:  $3,90 \text{ g} \pm 0,20(\text{g})$ , Cao:  $16,65 \text{ (mm)} \pm 0,25 \text{ (mm)}$ , Dài:  $31,4 \text{ (mm)} \pm 0,2 \text{ (mm)}$ , Rộng:  $33,1 \text{ (mm)} \pm 0,2 \text{ (mm)}$ , Đường kính:  $29,75 \pm 0,2 \text{ (mm)}$ .

#### Hướng dẫn sử dụng:

- Sản phẩm nắp nhựa – Helicap được sử dụng để đóng kín và mở nắp hộp sản phẩm dạng lỏng.
- Thùng chứa sản phẩm phải được đưa về khu vực sử dụng ít nhất 48 tiếng trước khi mở thùng.
- Mở thùng carton, dùng dụng cụ sạch chuyển nắp vào hộp chứa của máy dán nắp.
- Các sản phẩm dùng dở phải được bọc kỹ.

#### Hướng dẫn bảo quản:

- Nắp nhựa Helicap được chứa trong túi nilon, lưu trữ trong thùng carton đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo yêu cầu của Bộ Y Tế
- Nắp thùng phải được dán kín trong quá trình bảo quản và lưu thông.
- Sản phẩm cần được bảo quản trong kho sạch, tránh ẩm và ánh sáng chiếu trực tiếp.
- Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ khoảng từ 10 độC đến 40 độC.

**Ngày sản xuất:** xem “Pro.date” trên bao bì (năm/tháng/ngày)

**Hạn sử dụng:** xem “Best before” trên bao bì (năm/tháng/ngày)

**Xuất xứ:** THAILAND

**Nhà sản xuất:** Tetra Pak (Thailand) Limited

**Địa chỉ:** Eastern Seaboard Industrial Estate (Rayong) 109 Moo 4, Highway 331, Pluak Daeng, Rayong 21140 THAILAND

**Công bố sản phẩm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa bởi:** CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM

**Địa chỉ:** 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**Điện thoại:** 028 38277100



#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

##### Sản phẩm đạt yêu về an toàn thực phẩm theo:

- **QCVN 12-1:2011/BYT** - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- **21 CFR 178.3297** – Quy định của FDA (US) – Các chất màu dùng cho polymer.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố ./.

TPHCM, ngày 27. Tháng 09. Năm 2019

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



*Dương Ngọc Thủy Vy*





Số: 2127-1/N3.19/ĐG

Ngày: 18/9/2019

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam
2. Tên mẫu theo khai báo : Nắp nhựa Helicap (màu xanh lá)
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu: 10/9/2019
5. Căn cứ giám định :
  - 5.1) QCVN 12-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
  - 5.2) 21 CFR 178.3297 – Quy định của FDA (US) – Các chất màu dùng cho polymer.

### 6. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

| Stt | Tên chỉ tiêu                                                                                                 | Kết quả giám định                                                                   | Giới hạn tối đa cho phép nêu tại mục 5 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 6.1 | Ngoại quan                                                                                                   |  | -                                      |
| 6.2 | Định danh nhựa                                                                                               | Polyethylen và polypropylen                                                         | Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5.1        |
| 6.3 | Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, $\mu\text{g/g}$                                                       |                                                                                     |                                        |
|     | - Chì (Pb)                                                                                                   | < 5                                                                                 | 100                                    |
|     | - Cadimi (Cd)                                                                                                | < 5                                                                                 |                                        |
| 6.4 | Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, $\mu\text{g/mL}$                                                        |                                                                                     |                                        |
|     | - Trong nước, 60°C, 30 phút                                                                                  | < 5                                                                                 | 30                                     |
|     | - Trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút                                                                        | < 5                                                                                 |                                        |
|     | - Trong n-heptan, 25°C, 60 phút                                                                              | 17                                                                                  |                                        |
| 6.5 | Khả năng thôi màu từ mẫu trong các chất chiết nêu tại mục Stt 6.4                                            | Không thôi màu                                                                      | Không thôi màu                         |
| 6.6 | Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, $\mu\text{g/mL}$ | < 1                                                                                 | 1                                      |
| 6.7 | Hàm lượng $\text{KMnO}_4$ tiêu thụ trong nước chiết được từ mẫu, 60°C, 30 phút, $\mu\text{g/mL}$             | < 1                                                                                 | 10                                     |

7. **Kết luận:** Mẫu nêu trên có kết quả các chỉ tiêu thử nghiệm phù hợp với mức quy định nêu tại mục 5 đối với Nắp nhựa tiếp xúc trực tiếp với các loại thực phẩm, thức uống không chứa cồn.

Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Dương Thị Phương Thảo

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hùng

Ref: 2127-1/N3.19/DG

Date: 18 September 2019

### CERTIFICATE OF INSPECTION

1. Client : Tetra Pak Viet Nam Corporation  
2. Declared name of sample : Helicap plastic cap (green color)  
3. Number of sample : 01 4. Sample submitted on: 10 September 2019  
5. Inspection criteria :

- 5.1) QCVN 12-1:2011/BYT- National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods.  
5.2) 21 CFR 178.3297 - FDA (US) - Colorants for polymers.

### 6. INSPECTION RESULT

| No. | Characteristic                                                                                                                                                                 | Inspection result                                                                    | Maximum permitted levels at item 5       |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 6.1 | Appearance                                                                                                                                                                     |  | -                                        |
| 6.2 | Identification of plastic                                                                                                                                                      | Polyethylene and polypropylene                                                       | Belongs to the plastic group at item 5.1 |
| 6.3 | Metal content in the material, $\mu\text{g/g}$<br>- Lead (Pb)<br>- Cadmium (Cd)                                                                                                | < 5<br>< 5                                                                           | 100                                      |
| 6.4 | Content of evaporation residue extracted from the sample, $\mu\text{g/mL}$<br>- In water, 60°C, 30 min.<br>- In acetic acid 4%, 60°C, 30 min.<br>- In n-heptane, 25°C, 60 min. | < 5<br>< 5<br>17                                                                     | 30                                       |
| 6.5 | Colorants migration from the sample into the extractives stated at item No. 6.4                                                                                                | No visible migration                                                                 | No visible migration                     |
| 6.6 | Heavy metal content (as lead) extracted from the sample in the acetic acid 4%, 60°C, 30 min., $\mu\text{g/mL}$                                                                 | < 1                                                                                  | 1                                        |
| 6.7 | Content of $\text{KMnO}_4$ consumed in water extracted from the sample, 60°C, 30 min., $\mu\text{g/mL}$                                                                        | < 1                                                                                  | 10                                       |

7. **Conclusion:** The obtained test result of the above sample conforms to the permitted levels specified at item 5 for the *Plastic cap* intended to come into direct contact with **non-alcoholic foods and drinks**.

*F.N:* This certificate is valid for the above sample only.

INSPECTOR



DUONG THI PHUONG THAO

DIRECTOR




NGUYEN THAI HUNG



KT3-04958AHD9/1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

16/09/2019  
Trang 01/02

1. Tên mẫu : **NẮP NHỰA HELICAP (MÀU XANH LÁ)**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
2127/N3.19/ĐG/PT  
Nhiều nắp nhựa màu xanh lá có răng cưa màu xanh dương bên trong
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 10/09/2019
5. Thời gian thử nghiệm : 11/09/2019 – 16/09/2019
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM**  
**235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q.1, Tp Hồ Chí Minh**
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

**P. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG****Nguyễn Thị Thùy Nhi****TL. GIÁM ĐỐC**  
**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM****Phan Thanh Trung**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.  
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.  
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.  
Estimated expanded uncertainty of measurement with  $k = 2$ , at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam  
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam  
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274  
Tel: (84-251) 383 6212  
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012  
Fax: (84-251) 383 6298  
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: [www.quatest3.com.vn](http://www.quatest3.com.vn)  
E-mail: [tn-cskh@quatest3.com.vn](mailto:tn-cskh@quatest3.com.vn)  
E-mail: [tn-cskh@quatest3.com.vn](mailto:tn-cskh@quatest3.com.vn)



| Tên chỉ tiêu                                                                                                                                                                                             | Đơn vị tính             | Phương pháp thử      | Giới hạn phát hiện | Kết quả thử nghiệm  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------|--------------------|---------------------|
| 7.1 Định danh nhựa bằng phương pháp phổ hồng ngoại <ul style="list-style-type: none"> <li>nắp ngoài</li> <li>nắp trong</li> <li>răng cưa</li> </ul> <b>THỬ VẬT LIỆU</b>                                  | -                       | ASTM E 1252 – 98     | -                  | PE<br>PP + PE<br>PP |
| 7.2 Hàm lượng chì <ul style="list-style-type: none"> <li>xanh lá</li> <li>xanh dương</li> </ul>                                                                                                          | µg/g                    | QCVN 12-1 : 2011/BYT | 5,0                | KPH<br>KPH          |
| 7.3 Hàm lượng cadimi <ul style="list-style-type: none"> <li>xanh lá</li> <li>xanh dương</li> </ul> <b>THỬ NGÂM THÔI NHIỆM</b>                                                                            | µg/g                    | QCVN 12-1 : 2011/BYT | 5,0                | KPH<br>KPH          |
| 7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C                                                                                                                            | µg/mL                   | QCVN 12-1 : 2011/BYT | -                  | < 1                 |
| 7.5 Lượng KMnO <sub>4</sub> sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C                                                                                                                                       | µg/mL                   | QCVN 12-1 : 2011/BYT | 1,0                | KPH                 |
| 7.6 Hàm lượng cặn khô <ul style="list-style-type: none"> <li>Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C</li> <li>Trong nước sau 30 phút ở 60 °C</li> <li>Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C</li> </ul> | µg/mL<br>µg/mL<br>µg/mL | QCVN 12-1 : 2011/BYT | 5,0<br>5,0<br>5,0  | 16,8<br>KPH<br>KPH  |

**Ghi chú:** KPH: không phát hiện  
PP: Polypropylene; PE: Polyethylene

QUATEST 3®